

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v tranh chấp kiện đòi quyền sử
dụng đất là di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất là di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: số 158 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: số 157 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Lê Công T, sinh năm 1977; địa chỉ liên hệ: phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04-5-2020); có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29-7-2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tấn V: ông Nguyễn Chánh T; địa chỉ: tổ 2, khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1972; địa chỉ: số 216 tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố 4, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1975; địa chỉ: số 161 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Chia A T, sinh năm 1959; địa chỉ: số 157 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Quốc C, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1975; địa chỉ: Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 1, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân thị xã T; địa chỉ: khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Tấn L; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 4342/GUQ-UBND ngày 15-11-2021); có đơn xin vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường ĐT746, phường T, Tân Uyên, Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Tuấn K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Tân Uyên, Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1983; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1990; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996; vắng mặt.

10. Bà Bùi Thị G, sinh năm 1931; có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

11. Bà Phạm Thị Tuyết A, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-5-2019, ngày 20-6-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-8-2019, đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 06-4-2019 và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị N là cụ Nguyễn Văn B, sinh năm 1928, chết năm 2012 và cụ Lâm Thị L, sinh năm 1930, chết năm 1961. Cụ B và cụ L có 03 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn Đ. Ông Đ chết năm 2017, có vợ tên Chia A T, sinh năm 1959 và có 03 người con gồm: ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thanh H.

Sau khi cụ Lá chết, cụ B chung sống với bà Bùi Thị G. Cụ B và bà G có 04 người con chung gồm: bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn V và ông Nguyễn Tấn B.

Ngoài những người con trên, cụ B và cụ L không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ B và cụ L tạo lập được các tài sản, gồm: quyền sử dụng đất diện tích đất 15.894m² thuộc các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700, 126, 127 tờ bản đồ số 03 và số 05 tại phường T, thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số 00545 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 và quyền sử dụng đất diện tích đất 4.466m² thuộc thửa đất 124, tờ bản đồ số 05 tại phường T, thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004. Nguồn gốc đất là do ông bà nội của bà T, bà N tặng cho cụ Nguyễn Văn B và cụ Lâm Thị L từ năm 1953 khi cụ B và cụ L kết hôn. Cụ B và cụ L canh tác và sinh sống trên đất, đến năm 1961 cụ L chết một mình cụ B canh tác đất. Năm 1966, cụ B kết hôn cùng bà G nhưng chỉ một mình cụ B sinh sống và canh tác trên đất, còn bà G sinh sống tại nhà của bà G. Đến năm 1999, cụ B đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 16-8-2007, tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, cụ B lập hợp đồng tặng cho các con của cụ B một phần diện tích đất thuộc các thửa đất số 126, 127, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 như sau: ông Nguyễn Tấn Đ diện tích đất 561m², bà Nguyễn Thị H diện tích đất 578m², bà Nguyễn Thị T diện tích đất 553m², bà Nguyễn Thị N diện tích đất 601m², ông Nguyễn Tấn Đ diện tích đất 567m², bà Nguyễn Thị H diện tích đất 578m², ông

Nguyễn Tấn Phong diện tích đất 586m², ông Nguyễn Tấn V diện tích đất 260m², ông Nguyễn Tấn B diện tích đất 569m² và tặng cho một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 cho ông Nguyễn Tấn B diện tích đất 431m², bà Nguyễn Thị T diện tích đất 496m², bà Nguyễn Thị N diện tích đất 580m², ông Nguyễn Tấn Đ diện tích đất 463m², bà Nguyễn Thị H diện tích đất 397m², tặng cho ông Nguyễn Tấn P diện tích đất 362m², tặng cho ông Nguyễn Tấn V diện tích đất 662m².

Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất, các con của cụ B đều đã được Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp giấy CNQSDĐ, cụ thể: ông Nguyễn Tấn P được cấp giấy CNQSDĐ số H01900 ngày 17-9-2007, thửa đất số 432, 435, diện tích 948m². Ngày 05-10-2015, ông P chuyển nhượng hai thửa đất này cho ông Lê Ngọc S, và chỉnh được chỉnh lý sang tên ông S vào ngày 7-12-2015. Ông Nguyễn Tấn B được cấp giấy CNQSDĐ số H01896 ngày 17-9-2007, thửa đất số 436, diện tích 569m² và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007, thửa đất số 430, diện tích 431m². Ngày 02-10-2014, ông Nguyễn Tấn B và bà Phạm Thị Tuyết A chuyển nhượng thửa đất 436 và 430 cho bà Trần Thị Kim O. Bà O được cấp giấy CNQSDĐ số CH04565 ngày 11-11-2014, thửa đất số 436 và giấy CNQSDĐ số CH04545 ngày 11-11-2014, thửa đất số 430. Bà Nguyễn Thị H được cấp giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007, thửa đất số 126, 431, diện tích 975m². Ngày 11-12-2014, bà H đã chuyển nhượng hai thửa đất này cho ông Trần Quốc C. Ông C được cấp giấy CNQSDĐ số CH04917 ngày 19-01-2015. Ông Nguyễn Tấn V được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007, thửa đất số 433, 434, diện tích 922m². Bà Nguyễn Thị T được cấp giấy CNQSDĐ số H01893 ngày 17-9-2007, thửa đất số 438, 439, diện tích 553m² và giấy CNQSDĐ số H01894 ngày 17-9-2007, thửa đất số 428. Bà Nguyễn Thị N được cấp giấy CNQSDĐ số H01898 ngày 17-9-2007, thửa đất số 127, 427, diện tích 1.181m². Ông Nguyễn Tấn Đ được cấp giấy CNQSDĐ số H01899 ngày 17-9-2007, thửa đất số 429, 437 diện tích 1.024m².

Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 124 là 2.323m² và diện tích đất 12.186m², thuộc các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 54, 583, 584, 667, 668, 699 và 700 do cụ B chết không để lại di chúc nên năm 2014, ông Nguyễn Tấn V đã khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế với các ông, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Tấn P và Nguyễn Tấn B. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương giải quyết tại Bản án dân sự số 80/2017/DS-ST ngày 11-12-2017 và đã được thi hành án xong.

Do quyền sử dụng đất nêu trên có một phần là di sản của cụ L nhưng khi cụ B lập hợp đồng tặng tặng cho toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông P, ông V, ông B và bà H bao gồm phần di sản của cụ L là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy, bà T và bà N khởi kiện ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn V, ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị H, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007 và buộc bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 975m², thuộc các thửa đất số 431, 126; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn V, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007 và buộc ông Nguyễn Tấn V trả lại diện tích đất 922m², thửa đất 433, 434; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn P, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01900 ngày 17-9-2007 và buộc ông Nguyễn Tấn P trả lại diện tích đất 948m², thửa đất số 432, 435; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn B, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896 ngày 17-9-2007 và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007; buộc ông Nguyễn Tấn B trả lại diện tích đất 569m², thửa đất số 436 và diện tích 431m², thửa đất số 430.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N và bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007, phân chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương đương 473m² trong tổng diện tích đất 946m², thuộc thửa đất 433, 434; yêu cầu ông Nguyễn Tấn P trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích đất 948m² tương đương số tiền chuyển nhượng 60.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05-10-2015 giữa ông Nguyễn Tấn P và ông Lê Ngọc S; yêu cầu Nguyễn Thị H trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị phần diện tích đất 975m², tương đương số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11-12-2014 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quốc C; yêu cầu ông Nguyễn Tấn B trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị phần diện tích đất 1000m², tương đương số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-10-2014 giữa ông Nguyễn Tấn B và bà Trần Thị Kim O.

Bà T và bà N rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị H, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn P, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01900 ngày 17-9-2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn B, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896 ngày 17-9-2007 và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông V trả lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất tương đương 473m² trong tổng diện tích đất 946m², thuộc thửa đất số 433 và 434, phân chia thừa kế cho các đồng thừa

kế của cụ B và yêu cầu bà H, ông P, ông B trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng đất như trên.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn ỹ và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày :

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông V không đồng ý vì đất tranh chấp có nguồn gốc là tài sản riêng của cụ B. Thời điểm cụ B được cấp giấy CNQSDĐ, cụ Lâm Thị L đã chết, phần diện tích đất tặng cho ông V không liên quan gì đến cụ L, đây không phải di sản của cụ L để lại. Ngày 16-8-2007, cụ B lập hợp đồng tặng cho ông V diện tích đất 922m² (nay thuộc thửa đất số 433, 434), được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực số 88, quyền số 2 TP/CC-SCT/HĐGD. Ông V đã được cấp giấy CNQSDĐ số vào số H01895 ngày 17-9-2007. Ngoài việc tặng cho ông V, cụ B còn lập hợp đồng tặng cho ông P, ông B, bà H, bà N, bà T và ông Đ mỗi người một phần đất thuộc các thửa đất số 124, 126, 127 và những người này đều đã được cấp giấy CNQSDĐ. Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 124 và các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700 do năm 2012 cụ B chết không để lại di chúc nên bà T, bà N tranh chấp thừa kế và đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 11-12-2017 và đã được thi hành án xong. Như vậy, phần đất mà bà T, bà N tranh chấp là tài sản riêng của cụ B, không phải là tài sản chung của cụ B và cụ L nên ông V không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn bà T, bà N và bị đơn ông V về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, bà T, ông P không đồng ý vì thửa đất số 432, 435 do cụ B tặng cho ông P có nguồn gốc do cụ B tạo lập. Năm 2007, cụ B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con của cụ B gồm bà T, bà N, ông Đ, ông V, ông P, ông B và bà H; hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực theo quy định của pháp luật. Sau khi được cụ B tặng cho đất, ông P đã được cấp giấy CQNSĐĐ. Năm 2015, ông P đã chuyển nhượng thửa đất số 432 và 435 cho ông Lê Ngọc S với giá 120.000.000 đồng. Ông P thống nhất kết quả thẩm định, đo đạc và định giá.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:

Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn bà T, bà N và bị đơn ông V về quan hệ huyết thống. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, bà T, bà H không đồng ý vì thửa đất số 431, 126 do cụ B tặng cho bà H có nguồn gốc do cụ B tạo lập. Năm 2007, cụ B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con của cụ B gồm bà T, bà N, ông Đ, ông V, ông P, ông B và bà H; hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực theo quy định của pháp luật. Sau khi được cụ B tặng cho đất, bà H đã được

cấp giấy CNQSDĐ. Năm 2014, bà H đã chuyển nhượng thửa đất số 431 và 126 cho ông Trần Quốc C với giá 300.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn B vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:

Thông nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn bà T, bà N và các bị đơn về quan hệ huyết thống. Các phần đất nguyên đơn bà T, bà N tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn B. Khi còn sống cụ B đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho tất cả những người con của cụ B trong đó có cả bà T, bà N. ông B, bà A đã chuyển nhượng thửa đất số 436, 430 bà Trần Thị Kim O với giá 300.000.000 đồng. Việc bà T và bà N khởi kiện đề đòi lại các phần đất cụ B tặng cho ông B là không có căn cứ. Do vậy, ông B không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chia A T trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống. Về nguồn gốc đất tranh chấp, bà T thống nhất ý kiến trình bày của các bị đơn. Trước yêu cầu của nguyên đơn, bà T không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị G trình bày:

Bà G là vợ của cụ Nguyễn Văn B. Do cụ B có con riêng nên bà G và cụ B không sống chung với nhau nhưng vẫn qua lại và chăm sóc nhau. Đối với phần đất nguyên đơn đang tranh chấp là tài sản riêng của cụ B, không liên quan đến bà G nên bà G đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Tấn V. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc S vắng mặt có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 05-10-2015, ông P chuyển nhượng thửa đất số 432, 435, diện tích 948m² cho ông Lê Ngọc S, ông S được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất này. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông S không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O vắng mặt có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 02-10-2014, ông Nguyễn Tấn B và bà Phạm Thị Tuyết A chuyển nhượng thửa đất 436 và 430 cho bà Trần Thị Kim O. Bà O được cấp giấy CNQSDĐ số CH04565 ngày 11-11-2014, thửa đất số 436 và giấy CNQSDĐ số CH04545 ngày 11-11-2014, thửa đất số 430. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà O không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Tân Phước K vắng mặt có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 16-8-2007, cụ Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Tấn V đến trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên để yêu cầu chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 922n², thuộc thửa đất số 433, 434, tờ bản đồ số 05, theo giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp cho cụ Nguyễn Văn B. Tại thời điểm chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội. Việc tặng cho quyền sử dụng đất trên cơ sở tự nguyện nên Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên đã chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 88, quyền số 02/TPCC-SCT/HĐGD ngày 16-8-2007. Ngoài việc tặng cho ông V, cụ B còn tặng cho đất cho những người con khác của cụ B là ông P, ông B, ông Đ, bà H, bà T và bà N và được chứng thực đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ B và ông V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương vắng mặt có văn bản trình bày ý kiến:

Căn cứ cấp giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 cho cụ Bớt trên cơ sở đơn đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Bớt được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực ngày 18-10-2004, việc cấp giấy CNQSDĐ không tiến hành đo đạc thực tế.

Đối với giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007 cấp cho ông Nguyễn Tấn V, giấy CNQSDĐ số H01900 cấp cho ông Nguyễn Tấn P, giấy CNQSDĐ số H01896 ngày 17-9-2007 cấp cho ông Nguyễn Tấn B và giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007 cấp cho bà Nguyễn Thị H trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Bớt với ông V, ông B, ông P, bà H. Việc cấp giấy CNQSDĐ có tiến hành đo đạc thực tế và được thể hiện tại bản trích đo bản đồ ngày 25-6-2007 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên. Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007 cấp cho ông Nguyễn Tấn V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn tấn V – Luật sư Nguyễn Chánh T trình bày ý kiến tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất tranh chấp do ông Nguyễn Tấn V nhận tặng cho hợp pháp từ cụ Nguyễn Văn B. Theo hồ sơ cung cấp thông tin cấp giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007, thửa đất 433, 434, có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 124 theo giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp cho cụ Nguyễn Văn B. Năm 2007, cụ B làm hợp đồng

tặng cho 01 phần thửa đất số 124 và các thửa đất số 126, 127 cho các con của cụ B gồm bà T, bà N, ông Đ, ông V, ông B, ông P, bà H, hợp đồng tặng cho đều được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi cụ B tặng cho các con của cụ B một phần đất thuộc thửa đất số 124, phần đất còn lại đã được chia thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ B tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 11-12-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 433, 434 là tài sản của cụ B, không phải là tài sản chung của cụ B và cụ L. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử vụ án thì việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là quá thời hạn xét xử vụ án theo quy định. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vắng mặt của các đương sự: bị đơn ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị H và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, bà Bùi Thị G, bà Chia A T, bà Trần Thị Kim O, ông Lê Ngọc S có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Tấn P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc C ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị Tuyết A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: tại đơn xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 06-4-2021, bà T và bà N rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị H, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn P, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01900 ngày 17-9-

2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn B, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896 ngày 17-9-2007 và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về việc xem xét thẩm định, tại chỗ đối với thửa đất số 432, 435 của ông Nguyễn Tấn P; thửa đất số 436, 430 của ông Nguyễn Tấn B; thửa đất số 126, 431 của bà Nguyễn Thị H. Xét thấy, tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06-4-2019, nguyên đơn bà T, bà N yêu cầu bị đơn ông P, ông B và bà H trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị đất tương đương số tiền chuyển nhượng đất theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông Lê Ngọc S là 120.000.000 đồng; giữa ông B, bà A với bà Trần Thị Kim O là 300.000.000 đồng; giữa bà H với ông Trần Quốc C là 300.000.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn chỉ tranh chấp và yêu cầu các bị đơn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất theo số tiền chuyển nhượng tại các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền chuyển nhượng đất theo các hợp đồng chuyển nhượng để làm căn cứ giải quyết vụ án mà không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất nêu trên.

[4] Về quan hệ huyết thống: các đương sự đều thống nhất thừa nhận cụ B chung sống với cụ Lâm Thị L có 03 người con chung gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn Đ; cụ B chung sống với bà Bùi Thị G có 04 người con chung gồm ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra, không có người con riêng, con nuôi nào khác. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế của cụ B gồm 07 người.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp: căn cứ vào hồ sơ cung cấp thông tin cấp giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431, 433, 434, đất đều có nguồn gốc nhận tặng cho từ cụ B theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực ngày 16-8-2007.

[6] Theo hồ sơ cung cấp thông tin cấp giấy CNQSDĐ số 00545 QSDĐ/TU ngày 27-9-1999 bao gồm các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700, 126, 127 và giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004, thửa đất 124, tờ bản đồ số 5 tại phường T, thị xã Tân Uyên. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 26-8-1998 (bút lục 25) và đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không đề ngày, tháng, năm (bút lục 72) đều thể hiện đất có nguồn gốc cụ B nhận thừa kế từ cha mẹ trước năm 1975, phù hợp với biên bản xác minh ngày 18-11-2021 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên. Do vậy, có đủ căn cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ B thừa kế từ cha mẹ trước năm 1975.

[7] Ngày 16-8-2007, tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, cụ B tặng cho các con của cụ B một phần diện tích đất thuộc các thửa đất số 126, 127, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số vào sổ 00545 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 cho ông Nguyễn Tấn Đ 561m², bà Nguyễn Thị H 578m², bà Nguyễn Thị T 553m², bà Nguyễn Thị N 601m², ông Nguyễn Tấn P 586m², ông Nguyễn Tấn V 260m², ông Nguyễn Tấn B 569m² và tặng cho một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 cho ông Nguyễn Tấn B 431m², bà Nguyễn Thị T 496m², bà Nguyễn Thị N 580m², ông Nguyễn Tấn Đ 463m², bà Nguyễn Thị H 397m², ông Nguyễn Tấn P 362m², ông Nguyễn Tấn V 662m². Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất các con của cụ B đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[8] Ngày 05-10-2015, ông P chuyển nhượng thửa đất số 432, 435, diện tích 948m², theo giấy CNQSDĐ số H01900 ngày 17-9-2007 cho ông Lê Ngọc S với giá 120.000.000 đồng. Ngày 02-10-2014, ông Nguyễn Tấn B và bà Phạm Thị Tuyết A chuyển nhượng thửa đất 436 diện tích 569m² và thửa đất số 430, theo giấy CNQSDĐ số H01896 ngày 17-9-2007 và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007 cho bà Trần Thị Kim O với giá 300.000.000 đồng. Ngày 11-12-2014, bà H đã chuyển nhượng thửa đất số 126, 431, diện tích 975m², theo giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007 cho ông Trần Quốc C với giá 300.000.000 đồng. **Đối với thửa đất 433, 434, diện tích đo đạc thực tế 946m², hiện ông V đang quản lý, sử dụng phần đất này.**

[9] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều xác định phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 124 và các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700 đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 11-12-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và hiện nay nguyên đơn, bị đơn đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

[10] Nguyên đơn cho rằng các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431, 433, 434 là tài sản chung của cụ L, cụ B nên năm 2007, cụ Bọt tặng cho ông V, ông P, ông B và bà H là không đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 11-12-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xác định thửa đất số 124 và các thửa đất số 209, 255, 256, 257, 258, 287, 553, 554, 583, 584, 585, 667, 668, 698, 699, 700 là tài sản của cụ B, không phải là tài sản chung của cụ B và cụ L. Như mục [7] đã xác định phần đất tranh chấp là phần đất thuộc giấy CNQSDĐ số 03805 QSDĐ/TU ngày 30-11-2004 và giấy CQNSĐĐ số 00545 QSDĐ/TU ngày 27-9-1999 cụ Bọt đã tặng cho các con của B trước khi các bên tranh chấp thừa kế đối với phần đất còn lại của hai giấy CNQSDĐ này. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên có căn cứ xác định các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431, 433, 434 là tài sản của cụ B, không phải là tài sản chung của cụ B, cụ L. Ý kiến trình bày của nguyên đơn bà T, bà N là không có căn cứ chấp nhận, ý kiến trình bày của các bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[11] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ L có một trong các giấy

tờ về đất theo Luật đất đai năm 2013 và chứng minh được cụ L có quá trình quản lý, sử dụng đất. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 17-5-2021 của Tòa án, trên thửa đất số 433, 434 hiện ông Nguyễn Tấn V đang quản lý, sử dụng tồn tại các tài sản như nhà tạm, cây huỳnh đường, cây tràm, các đương sự đều xác định là tài sản do ông V tạo lập. Đối với các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431 hiện bà H, ông P và ông B đã chuyển nhượng cho người khác nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có tài sản nào của cụ L và cụ B. Điều này càng chứng minh các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431, 433, 434 là tài sản của cụ B.

[12] Ngày 16-8-2007, tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên cụ Nguyễn Văn B đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông B, ông P, ông V và bà H các thửa đất số 432, 435, 436, 430, 126, 431, 433, 434, hợp đồng được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực. Tại Biên bản xác minh ngày 18-5-2021 của Tòa án, Ủy ban nhân dân phường T xác định tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, các bên tham gia giao dịch đều tự nguyện. Về nội dung hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, như mục [10] đã xác định các thửa đất tranh chấp là tài sản riêng của cụ B nên việc cụ B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 722, 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2003. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 16-8-2007 giữa cụ B với ông V đối với thửa đất số 433, 434 và yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền 150.000.000 đồng, yêu cầu ông Nguyễn Tấn B trả lại 150.000.000 đồng và yêu cầu ông Nguyễn Tấn P trả lại số tiền 60.000.000 đồng, là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Việc cấp giấy CNQSDĐ số H01895 ngày 17-9-2007, thửa đất 433, 434 cho ông Nguyễn Tấn V là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ của nguyên đơn bà T, bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, bà N.

[15] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tấn V là có căn cứ chấp nhận.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[17] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[18] Về án phí: theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5, 26, 34, 35, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 722, 723 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 106 của Luật đất đai năm 2003;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn B, ông Nguyễn Tấn P về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị H, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy CNQSDĐ số H01892 ngày 17-9-2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn P, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01900 ngày 17-9-2007; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn B với ông Nguyễn Tấn B, được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Tân Uyên chứng thực ngày 16-8-2007, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01896 ngày 17-9-2007 và giấy CNQSDĐ số H01897 ngày 17-9-2007

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tấn V, ông Nguyễn Tấn B và ông Nguyễn Tấn P về việc kiện đòi quyền sử dụng đất là di sản thừa kế.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 10.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí. Trả lại cho bà T, bà N 14.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036951 ngày 26-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Diệp

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Xệt Bùi Duy Hải

Phạm Thị Hương Diệp

